TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 08/01/2024
"*V/v tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dũng

Ông Ngô Quốc Tiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Phan Minh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 08/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 576/2023/TLST-DS ngày 30/10/2023, về việc "*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2023/QĐXXST-DS ngày 30/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 323/2023/QĐST-DS ngày 19/12/2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khóm 3, Phường 4, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Trà, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Võ Thị Th trình bày:

Vào ngày 18/02/2023, bà Th có cho anh H vay số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), thời hạn trả tiền vay là ngày 20/3/2023. Mục đích vay tiền là để chi xài cá nhân, anh H có làm biên nhận với bà Th.

Khi đến ngày hẹn trả tiền là ngày 20/3/2023, bà Th yêu cầu anh H trả tiền thì anh H hẹn lại vài hôm sau sẽ trả, bà Th đồng ý. Sau đó, bà Th nhiều lần gọi điện thoại cho anh H nhưng anh H không nghe máy, không trả lời.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th yêu cầu anh H trả cho bà Th số tiền đã vay là 7.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày 18/02/2023 đến khi xét xử sơ thẩm và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi anh H trả hết tiền nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà Th chỉ yêu cầu anh H trả cho bà Th số tiền đã vay là 7.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 20/3/2023 đến khi xét xử sơ thẩm và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất quy định của Nhà nước đến khi anh H trả hết tiền nợ.

* Đối với bị đơn Nguyễn Thái H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu anh H trả số tiền vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

Tại phiên tòa, bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu của bà Th yêu cầu anh H trả tiền vay. Theo bà Th trình bày, anh H vay tiền của bà Th là có căn cứ, thể hiện qua tờ *"Biên nhận mượn tiền"* viết tay ngày 18/02/2023, theo bà Th trình bày do chính anh H viết và ký tên trên biên nhận. Trên biên nhận thể hiện nội dung anh H mượn của bà Th số tiền 7.000.000 đồng, hẹn ngày 20/3/2023 trả, xác định quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Th trình bày anh H chưa trả cho bà khoản tiền nào theo biên nhận trên, nên căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, anh H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vốn gốc là 7.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà Th về việc yêu cầu anh H trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 20/3/2023. Hội đồng xét xử xét thấy, trên biên nhận mượn tiền không thể hiện bà Th cho anh H vay tiền có tính lãi, chỉ hẹn

ngày trả là 20/3/2023. Do đó, anh H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ thời điểm phải trả nợ ngày 20/3/2023 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"*.

Cụ thể như sau:

- Tiền lãi 1 tháng: 7.000.000 đồng x 0,83% = 58.100 đồng.

- Từ ngày 20/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/01/2024 là 09 tháng 19 ngày:

58.100 đồng x 9 tháng 19 ngày = 559.000 đồng (làm tròn số)

Như vậy anh H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vay gốc 7.000.000 đồng + tiền lãi 559.000 đồng, tổng cộng 7.559.000 đồng. Đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi cho bà Th cho đến khi trả nợ xong là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"*.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do anh H có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền 7.559.000 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.559.000 đồng x 5% = 378.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (làm tròn số).

Bà Th không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5, điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th.

2/ Buộc anh Nguyễn Thái H trả cho bà Võ Thị Th số tiền vay tổng cộng 7.559.000 đồng (bảy triệu năm trăm năm mươi chín ngàn đồng) (trong đó, nợ gốc 7.000.000 đồng + lãi 559.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Thái H phải chịu 378.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Th không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007103 ngày 27/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng